

Bản án số: 145/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07/11/2018
V/v: “Tranh chấp về hôn nhân và
gia đình - Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thường
2. Ông Lê Văn Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dự – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang.

Ngày 07 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 397/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 243/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Thúy H, sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: 227/12 ấp TB II, xã VT, huyện T, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Đặng Văn T1, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp TB, xã VT, huyện T, tỉnh An Giang.

(Đã được tổng đạt thủ tục tố tụng hợp lệ)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Đặng Thị Thúy H trình bày:*

Chị với anh Đặng Văn T1 chung sống với nhau từ năm 2005, có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống rất hạnh phúc có 02 con chung tên Đặng T1 K sinh ngày 23/02/2007 và Đặng Kim Y sinh ngày 24/11/2013. Đến năm 2017, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân tính tình không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường hay cự

cãi. Vợ chồng ly thân từ tháng 01 năm 2017 đến nay. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài, không còn tình cảm với nhau nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đặng Văn T1.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Đặng T1 K sinh ngày 23/02/2007 và Đặng Kim Y sinh ngày 24/11/2013 (cả 02 con chung đều đang sống với chị). Chị H yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh Đặng Văn T1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại tờ tự khai, trong quá trình hòa giải bị đơn anh Đặng Văn T1 trình bày:*

- Về hôn nhân: Thống nhất lời trình bày của chị H về quá trình hôn nhân, về mâu thuẫn vợ chồng. Nên anh đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Đặng T1 K sinh ngày 23/02/2007 và Đặng Kim Y sinh ngày 24/11/2013 (cả 02 con chung đều đang sống với chị H). Anh T1 đồng ý giao 02 con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, bị đơn anh Đặng Văn T1 có địa chỉ tại ấp TB, xã VT, huyện T, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Đặng Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Đặng Văn T1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Thúy H và anh Đặng Văn T1 chung sống với nhau từ năm 2005, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống thì anh chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, bất đồng về quan điểm sống, thường hay cự cãi, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, anh chị đã ly thân từ tháng 01 năm 2017 cho đến nay, nên chị H yêu cầu ly hôn với anh T1, đồng thời anh T1 cũng đồng ý ly hôn với chị H.

Xét thấy, theo Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng....*”. Tại khoản 2 Điều 53 cũng quy định: “*Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công*

nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này... ”. Như vậy, mặc dù chị Đặng Thị Thúy H và anh Đặng Văn T1 đã sống chung với nhau trong một thời gian dài nhưng không đăng ký kết hôn nên về mặt pháp luật không thừa nhận quan hệ giữa chị H và anh T1 là vợ chồng nên việc chị H yêu cầu được ly hôn với anh T1 là không phù hợp mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đặng Thị Thúy H và anh Đặng Văn T1.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị H với anh T1 có 02 con chung tên Đặng T1 K sinh ngày 23/02/2007 và Đặng Kim Y sinh ngày 24/11/2013. Cả 02 con chung đều đang sống với chị H nên chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên hòa giải anh T1 cũng đồng ý giao 02 con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai ngày 24/9/2018, nguyện vọng của cháu K cũng muốn được sống với chị H. Do vậy, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và ổn định cuộc sống của 02 cháu K và Y, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao 02 cháu Đặng T1 K và Đặng Kim Y cho chị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đến thăm nom, chăm sóc các con chung mà không ai được cản trở. Chị H phải tạo điều kiện cho anh T1 được quyền đến thăm nom, chăm sóc các con chung. Khi cần thiết anh T1 có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do chị Đặng Thị Thúy H yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Đặng Thị Thúy H và anh Đặng Văn T1.

2. Về quan hệ con chung:

Giao 02 con chung tên Đặng T1 K sinh ngày 23/02/2007 và Đặng Kim Y sinh ngày 24/11/2013 cho chị Đặng Thị Thúy H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Đặng Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đến thăm nom, chăm sóc các con chung mà không ai được cản trở.

Chị Đặng Thị Thúy H phải tạo điều kiện cho anh Đặng Văn T1 được quyền đến thăm nom, chăm sóc các con chung. Khi cần thiết anh Đặng Văn T1 có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.
- Về nợ chung: Ghi nhận chị Đặng Thị Thúy H và anh Đặng Văn T1 không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh, chị trong thời kỳ sống chung thì chị Đặng Thị Thúy H và anh Đặng Văn T1 vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách là đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị Thúy H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008967 ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh An Giang.

5. Chị Đặng Thị Thúy H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Đặng Văn T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Minh Tâm